

Bản án số:16/2020/HSST
Ngày 12 tháng 3 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Huân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nga và bà Đỗ Thị Kim Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Mai, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2019/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lưu Quang C, sinh ngày 19/5/1985; nơi cư trú: Thôn CT, xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lái máy xúc; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Quang Th và bà Phùng Thị T; có vợ là Phan Thị T1 và 02 con (Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 16/02/2019, C bị Công an huyện TĐ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản trái phép, mức phạt tiền là 7.500.000đ. Ngày 19/02/2019, C đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên.

Về nhân thân: Ngày 21/6/2016, C bị UBND xã HS ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác trái phép khoáng sản. Ngày 13/7/2016, C đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính (tính đến thời điểm C T4 hiện hành vi khai thác khoáng sản trái phép ngày 16/8/2019 thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính).

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Phan Thị T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn CT, xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Anh Lưu Văn Th2, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn CT, xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1969 ở thôn NT, xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc đã được UBND huyện TĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao rừng và đất lâm nghiệp để sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp đối với 02 thửa đất liền kề, gồm: Thửa đất số 51, tờ bản đồ 01, diện tích 900m², trong đó có 400m² đất ở, 500m² đất vườn (nay là thửa số 59, tờ bản đồ số 19, theo bản đồ VN2000), được UBND huyện TĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0998088 vào ngày 12/11/1993; Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 19 (theo bản đồ địa chính VN2000), tổng diện tích 917,4m² là đất rừng sản xuất, được UBND huyện TĐ giao sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp theo Quyết định số 502/QĐ-UB ngày 10/10/1996, đến nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do có nhu cầu hạ cos đối với phần diện tích đất lâm nghiệp được giao tại thôn NT, xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc để phục vụ sinh hoạt, chăn nuôi nên trước ngày 16/8/2019 ông T4 gặp Lưu Quang C, sinh năm 1985 trú tại thôn CT, xã HS, huyện TĐ thỏa thuận cho C hạ cos và được lấy phần đất thừa sau khi hạ cos, hai bên không phải trả khoản tiền nào cho nhau, C đã đồng ý.

Đến khoảng 13h ngày 16/8/2019, anh Nguyễn Văn M sinh năm 1978, trú tại thôn NL, xã TQ, huyện TĐ hỏi mua 02 xe đất để M san vườn. C đồng ý, hai bên thỏa thuận giá 150.000đ/1 xe. Khoảng 14h cùng ngày, C điện thoại cho anh Phùng Văn Ch sinh năm 1977, trú tại thôn NT, xã HS, huyện TĐ (là người làm thuê cho C) và chỉ đạo Ch điều khiển máy xúc Solar 200w màu cam, loại bánh lốp đến khu vực đồi rừng TQ thuộc thôn NT, xã HS, huyện TĐ để khai thác đất trên diện tích đất của ông T4, đồng thời C liên hệ với anh Đỗ Văn S sinh năm 1985, trú tại thôn ĐT, xã Đ, huyện TĐ thuê S chở 02 xe đất đổ vào bãi san nền khu tái định cư thôn NL, xã TQ, TĐ, S đồng ý. Sau đó, Ch điều khiển máy xúc Solar 200w và S điều khiển xe ô tô tải BKS: 14P- 4026 đến diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Văn T4. Tại đây, Ch điều khiển máy xúc, múc đất lên thùng xe ô tô của S rồi S vận chuyển đổ 02

chuyển với tổng số $10,36\text{m}^3$ tại bãi tái định cư khu cánh đồng Đ, thôn NL, xã TQ, huyện TĐ theo chỉ đạo của C. Sau đó, anh M đã đổ san vườn hết, đến nay anh M chưa trả tiền mua đất cho C.

Trước ngày 16/8/2019, ông Phùng Văn Th5 sinh năm 1971, ở thôn NT, xã HS, huyện TĐ gặp C và hỏi mua của C 10 xe ô tô đất để san vườn. C đồng ý, hai bên thỏa thuận giá 150.000đ/1 xe và khi nào mức được đất thì C đổ cho ông Th5. Do đó, Khoảng 23h ngày 16/8/2019, C tiếp tục gọi điện cho Phùng Văn Ch bảo Ch đưa máy xúc đến phần diện tích đất nhà ông T4 để mức đất và thuê Đỗ Văn S chở đất cho gia đình ông Th5. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày, khi Phùng Văn Ch vừa mức $5,4\text{m}^3$ đất lên thùng xe ô tô của S thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ, lập biên bản và tạm giữ vật chứng theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh nguồn gốc và diện tích đất bị khai thác trái phép: Thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 19 (theo bản đồ địa chính VN2000), tổng diện tích $917,4\text{m}^2$ là đất rừng sản xuất, được UBND huyện TĐ giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T4 và bà Lưu Thị H quản lý, sử dụng. Từ trước đến nay khu vực đồi rừng TQ thuộc thôn NT, xã HS, huyện TĐ không có tổ chức, cá nhân nào được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản (đất).

Tại kết luận định giá số 1645/KL-HĐĐG ngày 30/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Giá 01m^3 đất bị khai thác tại khu vực đồi rừng TQ thuộc thôn NT, xã HS, huyện TĐ ở thời điểm ngày 16/8/2019 (đất san lấp) có giá là: 20.900đ/ m^3 . Như vậy, $15,76\text{m}^3$ đất có giá trị 239.384 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Lưu Quang C đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (đất) trái phép, cụ thể:

+ *Lần 1:* Ngày 21/6/2016, C bị UBND xã HS ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác trái phép khoáng sản theo quy định tại điểm a, khoản 01, Điều 37 Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ. Ngày 13/7/2016, C đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên.

+ *Lần 2:* Ngày 16/02/2019, C bị Công an huyện TĐ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 47/QĐ-XPVPHC về hành vi khai thác khoáng sản trái phép theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 44 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP, mức phạt tiền là 7.500.000đ. Ngày 19/02/2019, C đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên.

Đối với các đối tượng liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T4 là người được UBND huyện TĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giao rừng và đất lâm nghiệp để sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp đối với 02 thửa đất trên. Bản thân ông T4 biết hai thửa đất trên không được cơ quan nào có thẩm quyền cấp phép khai thác. Do có nhu cầu hạ cos nền nên ông T4 cho C khai thác đất trên diện tích đất ông được giao quản lý, sử dụng là trái phép. Tuy nhiên khối lượng đất bị khai thác trái phép là $15,76\text{m}^3 \times 20.900\text{đ} = \mathbf{329.384 \text{ đồng}}$, chưa gây hậu quả nghiêm trọng, giá trị khoáng sản chưa đến 500.000.000 đồng; ông T4 chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị kết án về hành vi vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên. Do đó, Hành vi nêu trên của ông T4 không đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo Điều 227 BLHS năm 2015. Do vậy, ngày 11/11/2019, Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1760/QĐ-XPHC đối với ông T4 là có căn cứ.

- Đối với Phùng Văn Ch là người được C thuê điều khiển máy xúc để khai thác đất ngày 16/8/2019. Ch biết rõ diện tích đất trên không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, san gạt nhưng vẫn làm theo chỉ đạo của C. Tuy nhiên, khối lượng đất bị khai thác trái phép là $15,76\text{m}^3 \times 20.900\text{đ} = \mathbf{329.384 \text{ đồng}}$, chưa gây hậu quả nghiêm trọng, giá trị khoáng sản chưa đến 500.000.000 đồng. Ch chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị kết án về hành vi vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên. Do đó, Hành vi nêu trên của Ch không đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo Điều 227 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do vậy, ngày 11/11/2019, Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1761/QĐ-XPHC đối với ông Ch là có căn cứ.

- Đối với Đỗ Văn S là người điều khiển và là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô BKS: 14P - 4026, được C thuê vận chuyển đất. Tuy nhiên, S không hỏi, C cũng không nói cho S biết việc khai thác đất là trái phép nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với Nguyễn Văn M, Phùng Văn Th5 là người mua đất của C. Quá trình điều tra xác định những người này không biết C khai thác đất trái phép nên cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ.

Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- Đối với $5,4\text{m}^3$ đất trên thùng xe ô tô BKS: 14P- 4026 của Đỗ Văn S. Ngày 12/11/2019, Cơ quan điều tra đã yêu cầu Đỗ Văn S đổ về vị trí ban đầu ở khu đồi rừng, xã TQ. S đã T4 hiện theo yêu cầu dưới sự chứng kiến của Cơ quan điều tra và đại diện chính quyền địa phương.

- Đối với 10 m³ đất C khai thác trái phép bán cho anh M. Đến nay, anh M đã san vườn hết. Do đó, cần truy thu số tiền 10m³ x 20.900 = **216.524 đồng** (giá trị đất C khai thác trái phép).

- Đối với 01 xe ô tô BKS: 14P- 4026; nhãn hiệu: Cửu Long, loại xe tải ben, S màu xanh, Số máy: YC4D120-21*D1204900031; Số khung: RRT09060D91A00027 đã qua sử dụng; 01 Giấy đăng ký xe ô tô số 001497 cấp ngày 16/8/2010 tại Phòng CSGT Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 8642080 ngày 13/4/2019; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 19075794 cấp ngày 13/4/2019; 01 Giấy phép lái xe số 260182016251; 01 Căn cước công dân số 026085004042. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Đỗ Văn S. Ngày 12/11/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Đỗ Văn S là hợp pháp.

- 01 (một) Quyền sở nhật ký, loại Hải Tiến, đã qua sử dụng là tài liệu chứng cứ của vụ án. Do đó, cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) máy xúc bánh lốp (không biển kiểm soát), nhãn hiệu: Dewoo, Màu S: Đỏ cam, Số khung: SL200W-III-0458 đã qua sử dụng mà cơ quan điều tra tạm giữ của Phùng Văn Ch; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00325, loại máy đào bánh lốp, BKS 88LA-0184 của Lưu Quang C. Quá trình điều tra xác định: Đầu năm 2019, C và Lưu Văn Th2 SN 1975 (là anh họ của C) trú tại thôn CT, xã HS, huyện TĐ thỏa thuận mỗi người góp 200 triệu để mua lại máy xúc 88LA-0184 nêu trên của ông Đỗ Văn Tr, SN 1960 trú tại thôn HT, xã KX, huyện VT, do C không có tiền nên anh Th2 đã trả 400.000.000đ để mua máy làm chung (quá trình sử dụng đã bị rơi BKS). Tuy nhiên, do làm ăn không hiệu quả nên đến tháng 07/2019, anh Th2 bán lại cho C với giá 370.000.000đ (việc mua bán đã xong, không làm giấy tờ gì, Th2 và C đã xác nhận tại cơ quan điều tra). Ngày 16/8/2019, C thuê anh Ch sử dụng chiếc máy xúc trên vào việc khai thác đất trái phép. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu phát mại xung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại C sử dụng để liên lạc thuê Ch điều khiển máy xúc, thuê S chở đất ngày 16/8/2019. Quá trình điều tra, C khai đã làm rơi xuống nước, hư hỏng không sử dụng được; C đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng số: 71/CT-VKS-P3 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Lưu Quang C về tội “Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Lưu Quang C công nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Đối với Chiếc máy xúc bánh lốp BKS 88LA-0184 đang bị tạm giữ, bị cáo C xác định đây là tài sản chung của gia đình, vợ bị cáo là Phan Thị Th1 đi vay tiền đưa bị cáo mua máy xúc để làm thuê tăng thu nhập nuôi gia đình, vợ bị cáo không biết việc bị cáo tự ý mang máy đi khai thác tài nguyên (đất) trái phép. Vì vậy, bị cáo C đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và trả lại chiếc máy xúc nêu trên cho vợ bị cáo.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Phan Thị Th1 có ý kiến: Chiếc máy xúc bánh lốp BKS 88LA-0184 là tài sản của tôi đã vay tiền mua, sau đó giao cho anh C quản lý để làm kinh tế nuôi gia đình, việc anh C sử dụng vào việc vi phạm pháp luật tôi không được biết, nay tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại tài sản cho tôi.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lê Văn Th2 có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn nhất trí với lời khai tại cơ quan điều tra, không liên quan gì đến hành vi phạm tội của Lưu Quang C và không liên quan hoặc thắc mắc gì đến vật chứng của vụ án là chiếc máy xúc bánh lốp BKS 88LA-0184 đang bị tạm giữ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, sau khi xét hỏi bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã luận tội đối với bị cáo Lưu Quang C giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như Cáo trạng, đồng thời sửa một phần cáo trạng về việc xử lý vật chứng như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Quang C phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên”.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lưu Quang C từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 213 BLDS; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

Truy thu số tiền 216,524 đồng, là tiền Lưu Quang C bán đất cho anh M, để sung công quỹ Nhà nước .

Phát mại 01 chiếc máy xúc bánh lốp BKS 88LA-0184 đã thu giữ của Lưu Quang C; sau khi phát mại: Tịch thu để sung công quỹ Nhà nước 1/2 giá trị chiếc

máy xúc. Đồng thời, hoàn trả lại 1/2 giá trị chiếc máy xúc nêu trên cho Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Phan Thị Th1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lưu Quang C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản phạm pháp quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 16/8/2019, Lưu Quang C đã chỉ đạo Phùng Văn Ch điều khiển máy xúc BKS 88LA-0184 của C và thuê anh Đỗ Văn S khai thác, vận chuyển khoáng sản (đất) trái phép tại thôn NT, xã HS, huyện TĐ, sau đó mang bán cho Nguyễn Văn M, Phùng Văn Th5 để kiếm lời. Tổng khối lượng đất đã khai thác trái phép là 15,76m³. Theo kết luận định giá tài sản thì giá trị 1m³ đất tại khu vực đồi rừng TQ thuộc thôn NT, xã HS, huyện TĐ ở thời điểm ngày 16/8/2019 (đất san lấp) có giá là: 20.900đ/m³; như vậy 15,76m³ đất có giá trị là 329.384 đồng.

Mặc dù giá trị khoáng sản (đất) Lưu Quang C chỉ đạo khai thác trái phép là 329.384 đồng (chưa đến 500.000.000 đồng) nhưng C đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vi phạm về khai thác khoáng sản mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” theo Quyết định số 47/QĐ - XPVPHC ngày 16/02/2019 của Công an huyện TĐ. Vì vậy,

hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 BLHS năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo Lưu Quang C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định của Nhà nước trong quản lý tài nguyên và môi trường, nên cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm đảm bảo biện pháp trừng trị, giáo dục riêng đối với Lưu Quang C, đồng thời đề răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo C có nhân thân: Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác trái phép khoáng sản. Tuy nhiên, cần xem xét đến việc C bị xử phạt vi phạm hành chính là tình tiết cấu thành tội “Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên” trong vụ án này, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo C được xác định là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, ngoài ra bị cáo còn được chính quyền nơi cư trú xác nhận gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo; số lượng tài nguyên khai thác, nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh gia đình của bị cáo; đồng thời, đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 3 BLHS là "Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát giáo dục".

[4] Việc xử lý vật chứng:

C khai thác đất trái phép, phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên”, sau đó bán đất cho anh M được số tiền 216.524 đồng. Vì vậy, cần truy thu để sung công quỹ Nhà nước số tiền C bán đất cho anh M nêu trên.

Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa đã làm rõ việc: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Phan Thị Th1 và bị cáo Lưu Quang C đều khai nhận về việc mua chiếc máy xúc bánh lốp BKS 88LA-0184 trong thời kỳ hôn

nhân (đơn trình bày có xác nhận của chính quyền địa phương) nên cần xác định đây là tài sản chung của chị Th1 và bị cáo C theo quy định tại Điều 213 BLDS và Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc C sử dụng chiếc máy xúc vào việc vi phạm pháp luật chị Th1 không được biết. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét tịch thu phần tài sản của C để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời trả lại phần tài sản của chị Th1, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của công dân, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lưu Quang C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lưu Quang C phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên”.

1. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm đ, khoản 1, Điều 3; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lưu Quang C 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lưu Quang C về UBND xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc, là nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có tên nêu trên, cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Truy thu số tiền 216.524đ (Hai trăm mười sáu nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng) của Lưu Quang C, là tiền đã bán đất cho anh M, để sung công quỹ Nhà nước .

Phát mại 01 chiếc máy xúc bánh lốp đã tạm giữ của Lưu Quang C (Kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00325, loại máy đào bánh lốp (Không biển kiểm soát), nhãn hiệu: Dewoo; màu S: Đỏ cam; số khung: SL200W-III-0458 (Có đặc điểm như mô tả tại biên bản bàn giao vật chứng ngày 24/12/2019, giữa Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc). Sau khi phát

mai: Tịch thu để sung công quỹ Nhà nước 1/2 giá trị chiếc máy xúc. Đồng thời, hoàn trả lại 1/2 giá trị chiếc máy xúc nêu trên cho Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Phan Thị Th1.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lưu Quang C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận

- Viện KSND cấp cao tại Hà Nội;
- Viện KSND tỉnh Vĩnh phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THA dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu: Phòng HC-TP; Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đinh Ngọc Huân

Nơi nhận

- Viện KSND cấp cao tại Hà Nội;
- Viện KSND tỉnh Vĩnh phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THA dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu: Phòng HC-TP; Tòa hình sự.

Đinh Ngọc Huân